

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2023/HS-PT

Ngày: 28-8-2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Ông Nguyễn Thế Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thủy Tiên - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Đặng Hữu Tài- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 52/2023/TLPT-HS ngày 12 tháng 7 năm 2023 đối với các bị cáo **Nguyễn Thanh T**, **Dương Thị Diễm P**, **Nguyễn Văn V** do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 21/2023/HS-ST ngày 06-6-2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1998 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: **ấp B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre**; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Văn G**, sinh năm 1970 và bà **Trần Ngọc H**, sinh năm 1971; vợ: **Dương Thị Diễm P**, sinh năm 1999; con: có 02 người con, lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2021; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

2. **Dương Thị Diễm P**, sinh năm 1999 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: **ấp B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre**; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Dương Văn Đ**, sinh năm 1979 và bà **Nguyễn Thị H1**, sinh năm 1980; chồng: **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1998; con: có 01 người con sinh năm 2021; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

3. **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1991 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: **ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre**; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: lớp 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Lê Thành N**, sinh năm

1967 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1969; chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: Tại Bản án số 04/2008/HSST ngày 24/10/2008 bị Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xử phạt 01 năm tù về “Tội trộm cắp tài sản” (đã chấp hành xong ngày 05/12/2009), bị cáo tại ngoại; có mặt.

(Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Võ Văn L nhưng không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2021, bà Võ Thị Mỹ D có vay tiền của Dương Thị Diễm P, P nhiều lần đòi nhưng bà D không trả tiền. Vào lúc 16 giờ ngày 03/12/2022, trong lúc P, Nguyễn Thanh T (chồng của P), Võ Văn L và Nguyễn Văn V cùng uống bia tại Nhà T thuộc ấp T, xã T, thì T kể cho L và V nghe việc bà D thiếu nợ tiền của vợ chồng T. T rủ L, V cùng với vợ chồng T đến nhà ông Trần Văn M tại ấp M, xã Đ tìm bà D để đòi nợ, nếu bà D không trả tiền thì bắt, giữ bà D đưa về nhà của vợ chồng T, P tại ấp B, T làm việc nhà trừ nợ. L và V đồng ý đi. Sau đó, T đi về nhà lấy 02 con dao mang theo. T điều khiển xe mô tô mang biển số 62K1 - 465.86 chở P, L điều khiển xe mô tô biển số 71C1-629.54 chở V. Khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày thì đến nhà ông M, cả nhóm đi vào nhà tìm bà D. Lúc này, T đưa cho V cầm 01 con dao, T cầm 01 con dao. Khi vào trong, phát hiện bà D, ông M đang ngồi uống rượu trong căn chòi phía sau nhà ông M cùng với Hà Gia C, Đoàn Hoài P1, Nguyễn Văn S và Nguyễn Hùng H2. Nhóm của T đi vào chòi, la chửi yêu cầu bà D trả tiền, bà D không trả. T và P kêu bà D về nhà T làm việc nhà trừ nợ, bà D không chịu đi. Ông M giữ bà D lại không cho đi. Lúc này, T cầm con dao đưa lên đe dọa, thấy vậy, ông M cầm lấy con dao sắt để trong chòi gần chỗ ông ngồi, định đứng dậy thì T xông đến giật lấy con dao của ông M và đưa cho L cầm. T và ông M cự cãi, thách thức nhau, T cầm con dao dài 45cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 32cm trên tay phải, rồi dùng cạnh bẻ sống dao chém 01 nhát hướng từ trái ngang qua phải trúng vào vùng thái dương phải của ông M đang ngồi đối diện, gây thương tích. Sau đó, T, L nắm tay bà D kéo đi ra khỏi chòi. Khi ra khỏi chòi, P nắm tay bà D dẫn ra nơi để xe, rồi P điều khiển xe mô tô mang biển số 62K1 - 465.86 chở bà D đi về nhà P. L điều khiển xe mô tô biển số 71C1-629.54 chở T và V chạy theo sau. Đến khoảng 17 giờ về đến nhà vợ chồng T, P. T đem 03 con dao cất giấu, L la chửi kêu bà D trả tiền cho P, bà D nói “không có tiền” thì L dùng tay tát vào mặt bà D 01 cái. Khoảng 30 phút sau, trời mưa nên P kêu bà D đi vào nhà sau, P viết một giấy nhận nợ rồi yêu cầu bà D ký tên vào. Sau khi bà D lần tay vào giấy nhận nợ, L chở V ra về. P khóa cửa rào lại và giữ bà D ngồi trong nhà của P. Đến 19 giờ 20 phút cùng ngày, Công an xã Đ phối hợp với Công an thị trấn B đến kiểm tra nhà P, thì phát hiện T và P đang giữ bà D trong nhà.

* Vật chứng thu giữ:

+ 01 xe mô tô biển số 62K1-465.86, màu đen, nhãn hiệu HONDA, số loại VARIO 150;

+ 01 xe mô tô biển số 71C1-629.54, màu đen, nhãn hiệu HONDA, số loại WINNERX;

+ 01 con dao có lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 36cm, một cạnh lưỡi sắc bén, lưỡi dao cong hình chữ S, nơi rộng nhất 06 cm, mũi dao nhọn, cán dao bằng gỗ dài 14 cm;

+ 01 con dao dài 45 cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 32 cm, nơi rộng nhất 4,5 cm, mũi dao nhọn, một cạnh lưỡi dao sắc bén, sóng dao dày 01 cm, lưỡi dao cong về cạnh bén, cán dao bằng nhựa màu đen dài 13cm, hình tròn, đường kính 03cm, bên ngoài có vỏ dao bằng vải màu đen;

+ 01 con dao bằng kim loại màu đen, dài 48,5cm, lưỡi dao dài 29cm, nơi rộng nhất 06cm, cán bằng kim loại màu đen dài 20cm, đường kính 2,5cm;

+ 01 hộp tấm bông mực màu đỏ, bên ngoài vỏ hộp có ghi chữ HORSE (loại hộp mực lăn tay);

+ 01 tờ giấy tập học sinh có chữ viết tay đề ngày 28/9/2021, bên vạy có chữ ký, ghi tên **Võ Thị Ngọc D1**, mặt sau có chữ viết, chữ ký ghi tên **Dương Thị Diễm P.**

+ 01 tờ giấy tập học sinh có chữ viết tay đề ngày 07/10/2021, bên vạy có chữ ký, ghi tên **Võ Thị Ngọc D1**, mặt sau có chữ viết, chữ ký ghi tên **Dương Thị Diễm P.**

+ 01 tờ giấy tập học sinh có chữ viết tay đề ngày 28/9/2022 có chữ ký ghi tên **Võ Thị Ngọc D1** và **Hà Thanh Q**, mặt sau có chữ viết, chữ ký ghi tên **Dương Thị Diễm P.**

+ 01 tờ giấy tập học sinh có chữ viết tay đề ngày 10/11/2022 có chữ ký, dấu vân tay màu đỏ ghi tên **Võ Thị Ngọc D1**, mặt sau có chữ viết, chữ ký ghi tên **Dương Thị Diễm P.**

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 56-23/TgT ngày 02/3/2023 của **Trung tâm pháp y tỉnh B** kết luận: Dấu hiệu chính qua giám định: Sẹo vết thương vùng thái dương phải, kích thước trung bình. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của **Trần Văn M** tại thời điểm giám định là 02%. Cơ chế hình thành vết thương: do vật sắc nhọn gây ra.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 21/2023/HS-ST ngày 06/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thanh T** phạm “Tội bắt, giữ người trái pháp luật” và “Tội cố ý gây thương tích”; các bị cáo **Dương Thị Diễm P**, **Nguyễn Văn V** phạm “Tội bắt, giữ người trái pháp luật”;

Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh T** 01 (một) năm tù về “Tội bắt, giữ người trái pháp luật”;

Căn cứ khoản 1 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh T** 06 (sáu) tháng về “Tội cố ý gây thương

tích”;

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt của cả 02 tội, buộc bị cáo **Nguyễn Thanh T** chấp hành hình phạt chung là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Dương Thị Diễm P** 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Căn khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn V** 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Ngoài ra; Bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo **Võ Văn L**, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

- Ngày 08/6/2023, bị cáo **Nguyễn Thanh T** kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 08/6/2023, bị cáo **Dương Thị Diễm P** kháng cáo yêu cầu được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Ngày 08/6/2023, bị cáo **Nguyễn Văn V** kháng cáo yêu cầu được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với Bản án sơ thẩm, các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Riêng bị cáo **P** bổ sung kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo; bị cáo **V** bổ sung kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

- Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: đơn kháng cáo của các bị cáo phù hợp với quy định của pháp luật. Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thanh T** phạm “Tội bắt, giữ người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự và “Tội cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự; các bị cáo **Dương Thị Diễm P**, **Nguyễn Văn V** phạm “Tội bắt, giữ người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Xét kháng cáo của các bị cáo: nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả xảy ra, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh T** 01 năm 06 tháng tù cho cả 02 tội; bị cáo **Dương Thị Diễm P** 01 năm tù; bị cáo **Nguyễn Văn V** 06 tháng tù. Mặc dù tại cấp phúc thẩm; bị cáo **P** cung cấp biên lai nộp tiền 1.250.000 đồng để bảo đảm bồi thường cho bị hại **D1**, bị cáo **P** đang mang thai nên cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo **P** theo điểm b, n khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo **T** cung cấp biên lai nộp tiền 1.250.000 đồng để bảo đảm bồi thường cho bị hại **D1** và biên lai nộp tiền 7.000.000 đồng để bảo đảm bồi thường cho

bị hại **M**, nên cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo **T** theo điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với “Tội bắt, giữ người trái pháp luật”. Tuy nhiên, xét thấy mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp; kháng cáo của các bị cáo không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh T** 01 năm tù về “Tội bắt, giữ người trái pháp luật”. Áp dụng khoản 1 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt **Nguyễn Thanh T** 06 tháng về “Tội cố ý gây thương tích”. Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo **Nguyễn Thanh T** chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 01 năm 06 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b, n, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Dương Thị Diễm P** 01 năm tù về “Tội bắt, giữ người trái pháp luật”. Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn V** 06 tháng tù về “Tội bắt, giữ người trái pháp luật”. Thời hạn tù tính từ ngày các bị cáo chấp hành hình phạt tù. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

- Các bị cáo không tranh luận.
- Bị cáo **Nguyễn Thanh T** nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.
- Bị cáo **Dương Thị Diễm P** nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo hưởng án treo để ở nhà lo cho chồng, con.
- Bị cáo **Nguyễn Văn V** nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: căn cứ vào lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm kết hợp với các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định: xuất phát từ việc bà **Võ Thị Mỹ D** nợ tiền vợ chồng **Nguyễn Thanh T**, **Dương Thị Diễm P** không trả, nên vợ chồng **T** rủ **Võ Văn L** và **Nguyễn Văn V** cùng vợ chồng **T** đi bắt, giữ bà **D** làm việc nhà trả nợ. Khoảng 16 giờ 30 phút đến 19 giờ

20 phút ngày 03/12/2022, tại ấp M, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre. T, P, L, V đã có hành vi bắt, giữ trái pháp luật đối với bà Võ Thị Mỹ D. Trong quá trình bắt, giữ bà D, Nguyễn Thanh T đã tự mình có hành vi dùng 01 con dao dài khoảng 45cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 32cm, là hung khí nguy hiểm chém cạnh bề sống 01 nhát trúng vào vùng thái dương phải của ông Trần Văn M gây tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 02%.

[3] Về tội danh: các bị cáo là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự; đã thực hiện hành vi bắt, giữ bị hại Võ Thị Mỹ D trái pháp luật; hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền tự do và quyền bất khả xâm phạm về thân thể của bị hại D; riêng bị cáo Nguyễn Thanh T đã thực hiện hành vi dùng dao là hung khí nguy hiểm chém bị hại Trần Văn M gây tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 02%, bị hại Mẫn có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với bị cáo T; hành vi phạm tội của bị cáo T đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của bị hại Mẫn; các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý; hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Với ý thức, hành vi và hậu quả do các bị cáo gây ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh T phạm “Tội cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung “Dùng hung khí nguy hiểm” theo điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo Nguyễn Thanh T, Dương Thị Diễm P, Nguyễn Văn V phạm “Tội bắt, giữ người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh T yêu cầu giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Dương Thị Diễm P yêu cầu được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ hoặc được hưởng án treo; bị cáo Nguyễn Văn V yêu cầu giảm nhẹ hình phạt, được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ hoặc được hưởng án treo; thấy rằng:

Khi áp dụng hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Thanh T được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại” theo điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Dương Thị Diễm P được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” theo điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo T, bị cáo P có con còn nhỏ; bị hại Trần Văn M xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T, nên bị cáo T, bị cáo P được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; đã xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 01 năm 06 tháng tù cho cả 02 tội, bị cáo Dương Thị Diễm P 01 năm tù; bị cáo Nguyễn Văn V 06 tháng tù;

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Mặc dù các bị cáo phạm “Tội bắt giữ người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự và bị cáo Nguyễn Thanh T còn phạm “Tội cố ý gây thương

tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự đều có khung hình phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm, thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng bởi tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo **T**, bị cáo **P** có nhân thân tốt. Bị cáo **T** được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; tại cấp phúc thẩm bị cáo **T** cung cấp Biên lai thu tiền thi hành án số 0007284 ngày 16/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại theo Quyết định thi hành án số 1360 ngày 14/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại với số tiền 1.250.000 đồng để bồi thường cho bà **Võ Thị Mỹ D** và Biên lai thu tiền thi hành án số 0007285 ngày 21/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại theo Quyết định thi hành án số 1309 ngày 09/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại với số tiền 7.000.000 đồng để bồi thường cho ông **Trần Văn M**, nên cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo **T** theo điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với “Tội bắt, giữ người trái pháp luật”. Bị cáo **P** được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; tại cấp phúc thẩm bị cáo **P** cung cấp Biên lai thu tiền thi hành án số 0007283 ngày 16/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại theo Quyết định thi hành án số 1361 ngày 14/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại với số tiền 1.250.000 đồng để bồi thường cho bà **Võ Thị Mỹ D**, theo Phiếu kết quả siêu âm ngày 15/8/2023 thì bị cáo **P** đang mang thai 07 tuần 01 ngày, nên cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo **P** theo điểm b, n khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo **V** được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, tại cấp phúc thẩm bị cáo **V** không phát sinh tình tiết giảm nhẹ mới. Tuy nhiên; xét thấy bị cáo **T** và bị cáo **P** là người chủ mưu, rủ rê các bị cáo khác thực hiện tội phạm và cũng là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, riêng bị cáo **T** cùng lúc phạm nhiều tội; bị cáo **V** tuy là đồng phạm với vai trò giúp sức, không có tiền án, tiền sự nhưng trước đó đã từng bị kết án về tội *trộm cắp tài sản* nên được xem có nhân thân không tốt. Việc các bị cáo bắt, giữ bị hại **D** khi không có Lệnh hoặc Quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là trái với quy định của pháp luật, dẫn đến hậu quả làm mất quyền tự do thân thể của bị hại **D** từ lúc 16 giờ 30 phút đến 19 giờ 20 phút ngày 03/12/2022; hành vi phạm tội của các bị cáo không chỉ xâm phạm đến quyền tự do thân thể của công dân đã được Hiến pháp và pháp luật bảo vệ, mà còn gây hoang mang, bất bình trong nhân dân; riêng bị cáo **T** còn cố ý dùng hung khí nguy hiểm gây tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích cho bị hại **M** là 02%, hành vi phạm tội của bị cáo **T** đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của bị hại **M**, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo **T** 01 năm tù về “Tội bắt, giữ người trái pháp luật”, 06 tháng về “Tội cố ý gây thương tích”; xử phạt bị cáo **P** 01 năm tù về “Tội bắt, giữ người trái pháp luật”, và xử phạt bị cáo **V** 06 tháng tù về “Tội bắt, giữ người trái pháp luật” là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và hậu quả do các bị cáo gây ra. Xét thấy quyết định của Bản án sơ thẩm về mức hình phạt cũng như biện pháp chấp hành hình phạt đối với các bị cáo có căn cứ và đúng pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để giảm

nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo nên không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên quyết định hình phạt của Bản án sơ thẩm đối với các bị cáo.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[7] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **Nguyễn Thanh T**, **Dương Thị Diễm P** và **Nguyễn Văn V**; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 21/2023/HS-ST ngày 06/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre;

1.1. Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh T** 01 (một) năm tù về “Tội bắt, giữ người trái pháp luật”;

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh T** 06 (sáu) tháng tù về “Tội cố ý gây thương tích”;

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo **Nguyễn Thanh T** phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

1.2. Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b, n, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Dương Thị Diễm P** 01 (một) năm tù về “Tội bắt, giữ người trái pháp luật”;

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

1.3 Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn V** 06 (sáu) tháng tù về “Tội bắt, giữ người trái pháp luật”;

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Về án phí: căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội;

- Bị cáo Nguyễn Thanh T phải nộp: 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

- Bị cáo Dương Thị Diễm P phải nộp: 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

- Bị cáo Nguyễn Văn V phải nộp: 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Bình Đại(9b);
- Công an và VKSND huyện Bình Đại (2b);
- Chi cục THADS huyện Bình Đại (1b);
- UBND xã Thạnh Phước, huyện Bình Đại(1b);
- UBND thị trấn Bình Đại, huyện Bình Đại(1b);
- Bị cáo (3b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Văn Thông